

Số: 04/QĐ- TTYT

Trực Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công của Trung tâm y tế huyện Trực Ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRỰC NINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 thông tư hướng dẫn Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Biên bản công khai tài sản năm 2023.

Xét đề nghị của trưởng phòng Tài chính - kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Tài sản năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Trực Ninh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng: Hành chính - quản trị & Tổ chức cán bộ, Tài chính - kế toán, các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Nam Định;
- Như điều 3;
- Lưu TCKT.



GIÁM ĐỐC

Trần Dung The

Trực Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN

Niên yết công khai mua sắm tài sản cố định năm 2023

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 thông tư hướng dẫn Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Trung tâm y tế huyện Trực Ninh công khai mua sắm tài sản cố định năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Trực Ninh như sau:

1. Thành phần

- Đ/c Trần Dung The - Giám đốc Trung tâm
- Đ/c Nguyễn Thị Luyến - TP TCKT- KT trưởng - Chủ tịch công đoàn
- Đ/c Vũ Văn Dân - Phó TP, phụ trách phòng TCHC - Thanh tra thủ trưởng
- Đ/c Vũ Công Anh - Phó trưởng khoa Nội - Trưởng ban thanh tra nhân dân

2. Nội dung:

Công bố công khai mua sắm tài sản cố định năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Trực Ninh. (Có biểu mẫu 09b-CK/TSC, mẫu 09c-CK/TSC đính kèm)

- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc bảng thông tin của Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh.

- Thời gian: Thời gian bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc là 30 ngày, từ ngày 05/01/2024 đến ngày 05/02/2024

Niên yết công khai mua sắm tài sản năm 2023 bắt đầu hồi 09 giờ ngày 05/01/2024

THÀNH PHẦN THAM GIA

Nguyễn Thị Luyến.....

Vũ Văn Dân.....

Vũ Công Anh



GIÁM ĐỐC

Trần Dung The

Bộ, tỉnh: Nam Định
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Nam Định
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung Tâm Y tế Trục Ninh
Mã đơn vị: 1076788
Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2023

I- Về đất:

1. Đất khối điều trị

a- Địa chỉ: Thị trấn Cổ Lễ, Trục Ninh, Nam Định

b- Diện tích khuôn viên đất: 33.950 m²

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: 0 m²; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 33.950 m²; Kinh doanh: 0 m²; Cho thuê: 0 m²; Liên doanh, liên kết: 0 m²; Sử dụng khác 0 m².

d- Giá trị theo sổ kế toán: 1.697.500 Nghìn đồng.

2. Đất khối dự phòng

a- Địa chỉ: Thị trấn Cổ Lễ, Trục Ninh, Nam Định

b- Diện tích khuôn viên đất: 1945 m²

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: 0 m²; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 1945 m²; Kinh doanh: 0 m²; Cho thuê: 0 m²; Liên doanh, liên kết: 0 m²; Sử dụng khác 0 m².

d- Giá trị theo sổ kế toán: 680.750 Nghìn đồng.

2. Đất Phòng khám trực thái

a- Địa chỉ: xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

b- Diện tích khuôn viên đất: 5.955 m²

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: 0 m²; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 5.955 m²; Kinh doanh: 0 m²; Cho thuê: 0 m²; Liên doanh, liên kết: 0 m²; Sử dụng khác: 0 m².

d- Giá trị theo sổ kế toán: 2.142.150 Nghìn đồng.

II- Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó													
					Nguồn NS	Nguồn khác												
																		5
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I. Nhà khối điều trị				55.527.716	55.527.716		37.061.747		4.392	9.874								
Nhà khám bệnh, Hồi sức cấp cứu, khoa Dược	Cấp III	2014	2014	10.558.037	10.558.037		6.334.822	3 tầng	681	2.045		X						
Nhà Ngoại	Cấp III	2014	2014	7.075.182	7.075.182		4.245.109	3 tầng	494	1.482		X						

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)							SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)											
				Nguyên giá			Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc				Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác						
				Tổng cộng	Trong đó		Nguyên NS	Nguồn khác	Trụ sở làm việc											Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
					5	6																			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18								
Nhà sản, nhà chống nhiễm khuẩn, nhà xử lý chất thải rắn và nhà cầu nổi	Cấp III	2017	2017	11.964.600	11.964.600		8.614.512	3 tầng	694	1.613		X													
Nhà khoa Đông Y	Cấp III	2018	2018	9.757.803	9.757.803		7.415.930	3 tầng	517	1.550		X													
Nhà Khoa Nội - Nhi	Cấp III	2018	2018	9.540.819	9.540.819		7.250.844	3 tầng	460	1.379		X													
Nhà bảo vệ	Cấp IV	1983	1983	6.000	6.000			1 tầng	60	60		X													
Nhà khoa khám bệnh cũ	Cấp IV	1996	1996	169.576	169.576			1 tầng	231	231		X													
Nhà cầu hành lang	Cấp IV	2001	2001	226.513	226.513		24.573	1 tầng	250	250		X													
Nhà xe nhân viên	Cấp IV	2001	2001	9.008	9.008			1 tầng	40	40		X													
Nhà xe ô tô	Cấp IV	2003	2003	19.805	19.805			1 tầng	54,00	54,00		X													
Nhà bệnh nhân đông y	Cấp IV	2005	2005	262.375	262.375		69.331	1 tầng	106	106		X													
Nhà đại thể	Cấp IV	2005	2005	73.568	73.568		21.577	1 tầng	70	70		X													
Nhà phơi	Cấp IV	2005	2005	8.580	8.580			1 tầng	80	80		X													
Nhà xe nhân viên	Cấp IV	2005	2005	17.375	17.375			1 tầng	20	20		X													
Nhà để xe nhân viên	Cấp IV	2013	2013	234.905	234.905		63.354	1 tầng	100	100		X													
Nhà lấy lao (gồm mái tôn nhà lấy lao)	Cấp IV	2014	2014	1.279.159	1.279.159		428.134	1 tầng	275	275		X													
Nhà Khoa truyền nhiễm	Cấp IV	2018	2018	4.324.411	4.324.411		2.593.558	2 tầng	260	519		X													
2.Nhà khối dự phòng				7.768.000	7.768.000		1.887.616																		
Nhà làm việc	Cấp III	2012	2012	7.768.000	7.768.000		1.887.616	3 tầng				X													
3.Nhà Phòng khám trực thái				505.917	505.917		-		431	431															
Nhà làm việc số 1	Cấp IV	1981	1981	462.241	462.241		-	1 tầng	351	351		X													
Nhà bếp + VSCC	Cấp IV	1996	1996	10.091	10.091		-	1 tầng	30	30		X													

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	12				13	14	15	16	17	18		
				Tổng cộng	Trong đó														
					Nguyên NS	Nguyên khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11									
Nhà xe nhân viên	Cấp IV	1996	1996	29.765	29.765		-	1 tầng	30	30		X							
Nhà xe bệnh nhân	Cấp IV	2005	2005	3.820	3.820		-	1 tầng	20	20		X							
4.Các vật kiến trúc khác				13.917.410	13.917.410		4.019.736												
Hệ thống đường đi		1978	1978	136.200	136.200							X							
Sân chơi + sân thể thao		1978	1978	14.260	14.260							X							
Hệ thống nước sạch		1996	1996	124.000	124.000							X							
Hệ thống đường đi		2000	2000	35.495	35.495							X							
Sân bê tông+bê nước		2014	2014	1.857.782	1.857.782		928.891		1.610	1.610		X							
Bê nước cứu hỏa		2018	2018	157.469	157.469		110.228					X							
Hệ thống thoát nước+sân bê tông				970.752	970.752		678.389					X							
Nhà máy bơm		2018	2018	87.713	87.713		61.399					X							
Công chính bệnh viện		2018	2018	176.831	176.831		70.732					X							
Công nhà truyền nhiễm+Trường bao quanh bệnh viện				518.083	518.083		207.233					X							
Trạm xử lý rác thải		2010	2010	94.859	94.859							X							
Hệ thống xử lý nước thải y tế		2016	2016	9.605.540	9.605.540		1.921.108					X							
Hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà Sân		2018	2018	104.388	104.388		41.755					X							
Sân + đường		2000	2000	34.038	34.038		-					X							
Tổng cộng:				77.719.043	77.719.043		42.969.099												

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

[Signature]

Trần Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

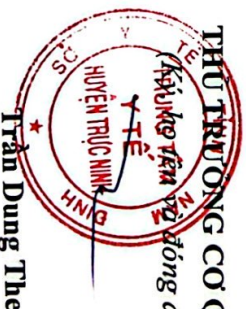
(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Luyện

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Dung The